

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ - ST

Ngày 17-5-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận

2. Ông Hoàng Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 17/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST- HNGĐ ngày 01/3/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Quách Thị H ; Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2.Bị đơn: Anh Trương Văn L; Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H vắng mặt anh L, anh L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2017, trong bản tự khai ngày 02/3/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) ngày 03/7/2006 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Anh L không chịu khó làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Đến nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, không thể níu kéo được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị Thu P, sinh ngày 21/11/2007. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, chị làm công nhân, thu nhập 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản : Vợ chồng không có tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Trương Văn L để làm bản tự khai nhưng anh L không có mặt nên không có lời khai của anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh L không có mặt. Do đó, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh L và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[3].Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh L đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh L.

HĐXX nhận thấy:

[4].Về hôn nhân: Chị Quách Thị H và anh Trương Văn L kết hôn tự nguyện có ĐKKH ngày 03/7/2006 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Anh L không chịu khó làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh L.

[5].Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Thị Thu P, sinh ngày 21/11/2007. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, cháu P là con gái ở với mẹ sẽ phù hợp hơn về mặt tình cảm và giới tính. Mặt khác, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, chị H có mức thu nhập 7.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi con mà không cần sự cấp dưỡng của anh L. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[6].Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7].Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị H được ly hôn anh Trương Văn L.

2.Về con cái: Trương Thị Thu P, sinh ngày 21/11/2007 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Quách Thị H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002213 ngày 01/3/2018. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H vắng mặt anh L. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã X;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc